TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **231**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Quốc Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 168/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990

HKTT: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Nơi làm việc hiện nay: Đài Loan

- Bị đơn: Anh Ngô Đức T**,** sinh năm 1991.

HKTT: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Chị L và anh T đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Chị và anh Ngô Đức T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương ngày 09/10/2010. Quá trình chung sống anh chị hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó cuộc sống bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính

cách không hòa hợp. Năm 2022, chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, còn anh T tiếp tục ở lại Việt Nam, vợ chồng xa cách nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, lâu dần tình cảm đã mờ nhạt. Mặc dù anh chị đã nhiều lần hàn gắn nhưng đều không có kết quả. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Đức T

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Ngô Đức T1, sinh ngày 04/5/2011 và Ngô Thị Kim N, sinh ngày 16/8/2013. Chị và anh T thống nhất để chị nuôi dưỡng cháu N, còn chị T nuôi dưỡng cháu T1. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian chị L lao động ở nước ngoài, chị L nhờ anh T thay mặt chị L chăm sóc cháu N cho đến khi chị L về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Ngô Đức T trình bày:* Về thời điểm kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn như chị L trình bày là đúng. Chị L có quan điểm xin ly hôn, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải nên nhất trí ly hôn với chị L. Vợ chồng có 02 con chung là Ngô Đức T1, sinh ngày 04/5/2011 và Ngô Thị Kim N, sinh ngày 16/8/2013. Vợ chồng thỏa thuận để anh nuôi dưỡng cháu T1, còn chị L nuôi dưỡng cháu N cho đến khi con chung trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung của anh T và chị L cháu Ngô Đức T1 có nguyện vọng ở với bố, còn cháu Ngô Thị Kim N có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa: Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; anh T có quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Ngô Đức T; Về con chung: Giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Ngô Thị Kim N, sinh ngày 16/8/2013; giao cho anh T được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Ngô Đức T1, sinh ngày 04/5/2011. Chấp nhận sự tự nguyện hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao cháu Ngô Thị Kim N cho anh Ngô Đức T chăm sóc trong thời gian chị L không ở Việt Nam. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Ngô Đức T. Chị L hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan, anh T có địa chỉ tại huyện C, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa chị L, anh T đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Ngô Đức T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương ngày 09/10/2010 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách. Năm 2022, chị L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến nay chưa về nước, còn anh T ở Việt Nam sinh sống và làm việc. Chị L xác định vợ chồng không còn quan tâm đến nhau trong cuộc sống, anh chị đã sống ly thân trong thời dài năm, nay chị L có đơn xin ly hôn, anh T có quan điểm nhất trí ly hôn. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị L, anh T không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị L ly hôn anh T là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là Ngô Đức T1, sinh ngày 04/5/2011 và Ngô Thị Kim N, sinh ngày 16/8/2013. Ly hôn vợ chồng thỏa thuận chị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, còn anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Xét thấy, cháu N có nguyện vọng đươc ở với mẹ, cháu T1 có nguyện vọng ở với bố. Để ổn định cuộc sống cũng như học tập của con chung cần chấp nhận thỏa thuận của vợ chồng, giao cháu Ngô Thị Kim N cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Ngô Đức T1 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Ngô Thị Kim N cho anh Ngô Đức T chăm sóc trong thời gian chị

L không ở Việt Nam.

Chị Nguyễn Thị L và anh Ngô Đức T được quyền thăm nom các con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Ngô Đức T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngô Thị Kim N, sinh ngày 16/8/2013, giao anh Ngô Đức T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngô Đức T1, sinh ngày 04/5/2011, thời gian từ tháng 5/2025 đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao cháu N cho anh Ngô Đức T chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị L không ở Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001762 ngày 02/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Ngô Đức T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thơm **Nguyễn Thị Bích Liên** **Nguyễn Xuân Trường**